

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ

Căn cứ Điều 212, Điều 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 110, 116 và 117 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 488/2021/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2021 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Bà Lê Thị Ngọc Ch , sinh năm 1982; Thường trú: 31/15/8 Đường số 48, tổ 40, Khu phố 6, phường H , quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi cư trú hiện nay: 70 Âu Cơ, phường Ph , quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông Hà Đức Th , sinh năm 1978; Địa chỉ: 31/15/8 Đường số 48, tổ 40, KP6, phường H , quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Ch và ông Th tự nguyện chung sống, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 218/2007, quyền số 01 ngày 04/12/2007.

Trong quá trình chung sống, giữa ông bà phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm, lối sống, tính cách không hòa hợp, giữa vợ chồng thường xuyên cãi vã. Ông bà đã tự hòa giải, hàn gắn nhiều lần nhưng không giải quyết được mâu thuẫn. Nay nhận thấy tình cảm giữa vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo nên yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về quan hệ con chung: Bà Ch và ông Th xác nhận có 02 con chung tên Hà Lê Uyên Th , sinh ngày 11/9/2008 và Hà Lê Uyên Th , sinh ngày 23/7/2010. Khi ly hôn, bà Ch trực tiếp nuôi 02 con chung và không yêu cầu ông Th cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về quan hệ tài sản chung: Bà Ch và ông Th tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về các vấn đề khác: Bà Ch và ông Th xác nhận không có nợ chung.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Ngọc Ch và ông Hà Đức Th thuận tình ly hôn.

Quan hệ hôn nhân của bà Lê Thị Ngọc Ch và ông Hà Đức Th (theo Giấy chứng nhận kết hôn do Ủy ban nhân dân phường H, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh số 218/2007, quyển số 01 cấp ngày 04/12/2007) chấm dứt kể từ ngày quyết định ly hôn của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

- Về quan hệ con chung: Bà Lê Thị Ngọc Ch trực tiếp nuôi 02 con chung tên Hà Lê Uyên Thư, sinh ngày 11/9/2008 và Hà Lê Uyên Th, sinh ngày 23/7/2010. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho ông Th do bà Ch không yêu cầu.

+ Ông Th có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nuôi con của người đó.

+ Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc người thân thích; Cơ quan quản lý nhà nước về gia đình; Cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em; Hội liên hiệp phụ nữ, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

+ Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về quan hệ tài sản chung: Bà Ch và ông Th tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về các vấn đề khác: Bà Chiêu và ông Thiện xác nhận không có nợ chung.

2. Về lệ phí dân sự sơ thẩm: Lệ phí ly hôn là 300.000 đồng do bà Ch và ông Thi chịu, được khấu trừ vào tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng do bà Ch và ông Th đã nộp theo Biên lai thu số 0034647 ngày 10/11/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trần Thị Tuyết Nhung